

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2020/KDTM-PT

Ngày: 11/5/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Ông Lê Công Toại

Ông Lê Thọ Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2019/TLPT- KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/KDTM - ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 52/2019/QĐ – SCBSBA ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1629/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH K

Địa chỉ: 138B đường G, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH Một thành viên V, có ông Tổng Trần N, sinh năm 1995 (có mặt), địa chỉ: 02 Đường số 17, Khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03/12/2019 và ngày 17/02/2020.

Bị đơn: Công ty TNHH Quảng Cáo Đ.

Địa chỉ: 1083 đường H, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Thạch Huỳnh N1, sinh năm 1992 (có mặt), địa chỉ: Đ, Lương H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, địa chỉ liên lạc: 107 đường N, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Anh Q, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1083 đường H, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Quảng Cáo Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2018, lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Công ty TNHH K (sau đây viết tắt là Công ty K) và Công ty TNHH Quảng Cáo Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) là đối tác đã lâu nên hai bên rất tin tưởng nhau.

Ngày 05/12/2016, hai bên ký kết hợp đồng kinh tế về việc thi công lắp đặt bảng hiệu nội thất với thời hạn thi công là từ ngày ký hợp đồng đến ngày hoàn thiện là 20 ngày, giá trị hợp đồng là 352.525.800đồng (đã bao gồm thuế VAT). Theo đó, Công ty Đ có trách nhiệm cung cấp và lắp đặt bảng hiệu Alu, chữ nổi, đèn led âm, nội thất tại địa chỉ 245 đường Đ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty K với thời hạn bảo hành là 18 tháng tính từ ngày nghiệm thu công trình.

Đến ngày 29/12/2016, hai bên ký kết tiếp Phụ lục hợp đồng số 01 để điều chỉnh thêm khối lượng công việc. Theo Phụ lục hợp đồng số 01, Công ty Đ thi công thêm cho Công ty K một số công việc, trong đó có thi công màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10, giá trị Phụ lục hợp đồng số 01 là 366.636.380đồng (đã bao gồm 10% VAT).

Trong Phụ lục hợp đồng số 01 có quy định “*Tất cả các điều khoản khác không thay đổi theo hợp đồng chính,...*”, vì vậy thời hạn thi công của Phụ lục hợp đồng số 01 cũng được tính từ ngày ký phụ lục hợp đồng đến ngày hoàn thiện là 20 ngày, thời hạn bảo hành là 18 tháng tính từ ngày nghiệm thu công trình.

Cùng ngày 29/12/2016, hai bên tiếp tục lập thêm phụ lục hợp đồng số 02 để bổ sung thêm một số công việc, các bên đồng ý với tất cả các điều khoản trong phụ lục hợp đồng số 02 và cùng nhau tiến hành thi công. Giá trị phụ lục hợp đồng số 02 là 201.564.000đồng (đã bao gồm 10% VAT). Do tin tưởng nhau nên dự tính là sau khi hoàn thành các hạng mục thi công thì hai bên sẽ bổ sung chữ ký và đóng dấu trong phụ lục hợp đồng số 02. Tuy nhiên, sau khi Công ty Đ thi công xong thì xảy ra sự cố nên các bên không bổ sung được chữ ký và đóng dấu trong phụ lục hợp đồng số 02 như dự tính lúc đầu.

Tổng cộng chi phí thi công và lắp đặt bảng hiệu nội thất theo Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 01 và Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016 là 920.726.180đồng (đã bao gồm thuế VAT). Công ty Đ có trách nhiệm thi công đúng mẫu và chất lượng công trình như hai bên đã duyệt và chịu hoàn toàn rủi ro trong quá trình thi công.

Thực tế, Công ty Đ đã thi công xong các hạng mục tại Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016 và hai phụ lục hợp đồng nêu trên.

Công ty Đ tiến hành lắp đặt màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 từ giữa tháng 01 năm 2017. Lúc này hai bên không lập biên bản nghiệm thu công trình vì hai bên thỏa thuận cho nhau thời gian dùng thử sản phẩm, nếu sản phẩm sử dụng tốt thì sẽ tiến hành nghiệm thu. Tuy nhiên, sau khi sử dụng được hơn 01 (một) tháng, đến tháng 3 năm 2017 thì màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 liên tục xảy ra hiện tượng hư hỏng, chữ trên màn hình không hiển thị đầy đủ, thường xuyên xuất hiện các vết rạn, từng mảng module không còn sáng được, chữ chạy theo lập trình hay bị lỗi. Khi trời mưa, bảng hiệu hoàn toàn không hiển thị thông tin, từng module trên bảng hiệu bị chết, không sáng, hệ thống đèn led cũng không hoạt động.

Tính từ thời điểm Công ty Đ lắp đặt màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 cho đến tháng 10 năm 2017 thì Công ty K đã thông báo cho Công ty Đ về hai sản phẩm trên bị hư hỏng là 07 (bảy) lần. Công ty Đ có cho người đến sửa chữa nhưng tình trạng vẫn không cải thiện, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc quảng cáo của Công ty K. Vì tin tưởng nhau nên mỗi lần thông báo màn hình led và bảng quang báo bị hư hỏng, Công ty K không có lập biên bản ghi nhận sự việc. Đến tháng 11 năm 2017, do tình trạng hư hỏng nặng không thể khắc phục được tại chỗ nên Công ty Đ đã đến tháo màn hình led và bảng quang báo về sửa chữa. Hiện màn hình led và bảng quang báo vẫn còn ở chỗ Công ty Đ.

Tại biên bản họp thi công hạng mục công trình không đề ngày tháng năm, Công ty K đề nghị Công ty Đ phải thay màn hình mới, không đồng ý sửa chữa lại từ màn hình cũ. Ông Trần Anh Q đại diện cho Công ty Đ (ông Q là Phó giám đốc) cũng xác nhận là màn hình led trên biển hiệu phía trước đường Điện Biên Phủ không đảm bảo chất lượng, ông Q sẽ về trao đổi lại với công ty và cho câu trả lời. Như vậy, chất lượng biển hiệu quảng cáo của Công ty Đ không đảm bảo, hư hỏng nhiều lần và Công ty K cũng đã tạo điều kiện cho Công ty Đ sửa chữa nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được. Sau đó, Công ty K có nhận được thông báo của Công ty Đ là đã sửa chữa xong bảng hiệu nhưng trước đó bảng hiệu này bị hư hỏng nhiều lần nên Công ty K không đồng ý cho lắp đặt lại màn hình led và bảng quang báo, cũng không đến nghiệm thu lại màn hình led và bảng quang báo. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 01 năm 2017 đến tháng 3 năm 2017 là khoảng thời gian Công ty K dùng thử màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 mà chưa phát sinh thời gian bảo hành vì hai bên chưa ký biên bản nghiệm thu.

Tính đến ngày 26/01/2018, Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền là 766.262.900đồng và còn nợ lại số tiền là 154.463.280đồng. Trong số tiền 766.262.900đồng mà Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ có số tiền 90.000.000đồng do Công ty K chuyển cho ông Trần Anh Q theo các Biên nhận số TC9110 ngày 19/9/2017 với nội dung: “Chuyển tiền về tổng (tạm ứng A Quỳnh thi công sếp Toàn bảo)” số tiền 40.000.000đồng và Biên nhận số FC1129 ngày 24/01/2017 với nội dung “Chuyển tiền về tổng cho anh Quỳnh vay” số tiền 50.000.000đồng, kèm theo giấy đảm bảo ông Q hứa sẽ hoàn trả lại cho công ty khi hoàn thành công trình. Mặc dù trên biên nhận vay thể hiện cá nhân ông Q vay

nhưng ông Q là thành viên góp vốn trong Công ty Đ, số tiền trên vay để Công ty Đ thực hiện thi công. Hơn nữa, trong quá trình làm việc qua điện thoại giữa hai bên thì Công ty Đ đồng ý đưa số tiền 90.000.000đồng mà ông Q đã nhận vào số tiền mà Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ.

Do màn hình led ngoài trời (mục 2 Phụ lục hợp đồng số 01), bảng quang cáo 3 màu P.10 (mục 3 Phụ lục hợp đồng số 01) mà Công ty Đ đã sửa chữa nhiều lần nhưng vẫn hư hỏng. Vì vậy, Công ty K không đồng ý nhận lại màn hình led P.6 ngoài trời và bảng quang cáo 3 màu P.10 mà yêu cầu Công ty Đ hoàn trả lại cho Công ty K tổng số tiền là 282.978.300đồng bao gồm số tiền thi công màn hình led ngoài trời (mục 2 Phụ lục hợp đồng số 01) là 214.245.000đồng và số tiền thi công bảng quang cáo 3 màu P.10 (mục 3 Phụ lục hợp đồng số 01) là 43.008.000đồng và 10% thuế VAT cho cả hai khoản thi công trên.

Như vậy, sau khi căn trừ số tiền mà Công ty K chưa thanh toán cho Công ty Đ là 154.463.280đồng thì Công ty Đ phải hoàn trả lại cho Công ty K số tiền là 128.515.020đồng.

Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền 766.262.900đồng. Tuy nhiên, Công ty K yêu cầu Công ty Đ hoàn trả lại cho Công ty K số tiền 128.515.020đồng (do hư hỏng màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang cáo 3 màu P.10) nên Công ty K chỉ yêu cầu Công ty Đ phát hành hóa đơn đối với khoản tiền mà Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ tổng cộng là 637.747.880đồng. Đối với các hạng mục thi công trong hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, các hạng mục khác trong Phụ lục hợp đồng số 01 và Phụ lục hợp đồng số 02 thì hiện nay hai bên không có tranh chấp gì và Công ty K cũng đã thanh toán tiền cho Công ty Đ.

Nay Công ty K khởi kiện yêu cầu như sau:

- Công ty Đ phải nhận lại màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang cáo 3 màu P.10 và trả lại số tiền là 128.515.020 đồng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty K yêu cầu Công ty Đ có nghĩa vụ phát hành hóa đơn giá trị gia tăng đối với khoản tiền mà Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ tổng cộng là 637.747.880đồng.

Đối với số tiền mà Công ty K đã tạm ứng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tổng cộng là 12.000.000 đồng, Công ty K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Công ty Đ có bà Lê Trương Thị Hoàng O là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại các bản tự khai, biên bản hòa giải:

Trong năm 2016, Công ty Đ có nhận thi công và lắp đặt bảng hiệu Alu, chữ nổi, đèn led âm, nội thất tại địa chỉ 245 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty K. Hai bên ký kết Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016 và hai Phụ lục hợp đồng ngày 29/12/2016, thời hạn bảo là 18 tháng tính từ ngày nghiệm thu công trình như phía nguyên đơn trình bày.

Công ty Đ xác nhận đã nhận được số tiền mà Công ty K đã thanh toán là 766.262.900đồng, trong đó bao gồm cả số tiền 90.000.000đồng mà Công ty K đã

chuyển cho ông Trần Anh Q theo biên nhận số TC9110 ngày 19/9/2017 và biên nhận số FC1129 ngày 24/01/2017. Ông Trần Anh Q nhận số tiền 90.000.000đồng từ Công ty K là nhận cho Công ty Đ để thực hiện thi công hạng mục công trình.

Tháng 3 năm 2017, Công ty K có thông báo cho Công ty Đ biết là màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 xảy ra hiện tượng hư hỏng nên Công ty Đ cho người đến sửa chữa và đã hoạt động lại bình thường. Khoảng một, hai tháng sau thì Công ty K lại tiếp tục báo màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo bị hư hỏng. Công ty Đ đã cử nhân viên đến sửa chữa nhưng mỗi lần đến trời đều mưa nên không sửa chữa được. Sau đó, vào khoảng tháng 12 năm 2017, Công ty Đ đề nghị được tháo màn hình led và màn hình quang báo đem về để kiểm tra và sửa chữa toàn bộ và Công ty K cũng đã đồng ý cho Công ty Đ tháo dỡ đem về để sửa chữa. Hai ngày sau khi sửa chữa xong, Công ty Đ đem màn hình led và màn hình quang báo đến Công ty K để lắp đặt lại nhưng bảo vệ của Công ty K không cho gắn màn hình lên. Công ty Đ cũng có trao đổi với Công ty K nhưng Ban giám đốc của Công ty K không đồng ý nhận lại màn hình led P6 ngoài trời và màn hình quang báo. Hợp đồng ký kết thể hiện trong quá trình sử dụng, nếu có hư hỏng thì Công ty Đ chịu trách nhiệm bảo hành và sửa chữa. Công ty Đ đã thực hiện đúng điều kiện bảo hành nhưng Công ty K lại gây khó khăn. Sau khi sửa chữa, khắc phục lỗi thì màn hình led và bảng quang báo đã hoạt động lại rất tốt nhưng Công ty K không đồng ý cho lắp đặt lại. Do đó, Công ty Đ đã bán bảng quang báo cho khách hàng khác sử dụng, còn màn hình led thì hiện nay vẫn còn để tại Công ty Đ.

Đi kèm với màn hình led là một đầu phát hiệu LGV 1000U và một bộ máy vi tính hiệu Samsung và cả giàn khung để lắp đặt màn hình led và bảng quang báo Công ty Đ vẫn còn để lại Công ty K. Để màn hình led hoạt động được thì phải có đầu phát và một bộ máy vi tính tuy nhiên trong hợp đồng thì không thể hiện có đầu phát và một bộ máy vi tính đi kèm màn hình led.

Nay Công ty Đ đồng ý nhận lại toàn bộ màn hình led và màn hình quang báo. Công ty Đ cũng đề nghị Công ty K trả lại cho Công ty Đ đầu phát hiệu LGV 1000U và một bộ máy vi tính hiệu Samsung và giàn khung bằng inox để gắn màn hình led và quang báo. Đồng thời, Công ty Đ đề nghị căn trừ số tiền 30.000.000đồng mà Công ty K đã sử dụng màn hình led, màn hình quang báo trong thời gian từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 3 năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ là ông Thạch Huỳnh N1 trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Trương Thị Hoàng O là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ đã trình bày ý kiến của Công ty Đ đối với việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông đại diện cho Công ty Đ xác định lại ý kiến như sau: Ông thừa nhận Công ty K và Công ty Đ có ký kết Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016. Mặc dù Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016 chưa được ký tên và đóng dấu của cả hai công ty nhưng Công ty K và Công ty Đ đều thừa nhận Phụ lục hợp đồng số 02 và đã thực hiện tất cả các điều khoản trong Phụ lục hợp đồng số 02. Tổng giá trị của Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016 và Phụ

lục hợp đồng số 01, Phụ lục hợp đồng số 02 là 920.726.180đồng. Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 766.262.900đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã thi công đầy đủ các hạng mục theo Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016 và hai Phụ lục hợp đồng số 01 và 02 cùng ngày 29/12/2016.

Đối với hạng mục màn hình led ngoài trời (mục 2 Phụ lục hợp đồng số 01), bảng quảng cáo 3 màu P.10 (mục 3 Phụ lục hợp đồng số 01) thì Công ty K đã đưa vào sử dụng khoảng giữa tháng 01 năm 2017. Lúc này hai bên không ký biên bản nghiệm thu công trình và thỏa thuận là thời hạn bảo hành tính từ ngày đưa vào sử dụng. Ông thừa nhận trong quá trình Công ty K sử dụng màn hình Led và bảng quang báo thì có xảy ra việc hư hỏng nhiều lần như phía nguyên đơn trình bày nhưng khi nhận được sự cố hư hỏng thì Công ty Đ có cho nhân viên đến sửa chữa. Tuy nhiên, do Công ty Đ có nhiều công trình nên đôi khi việc cho nhân viên đến sửa chữa có chậm trễ. Đến tháng 12 năm 2017, Công ty Đ đã đem màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 về để kiểm tra và sửa chữa lại nhưng trong thời gian khoảng 01 (một) tháng thì Công ty Đ đã sửa chữa xong. Tuy nhiên, Công ty K không đồng ý nhận lại hai sản phẩm trên mặc dù hai sản phẩm trên đã hoạt động rất tốt. Việc Công ty K không đồng ý nhận lại màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 là không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về thời hạn bảo hành.

Do Công ty K không đồng ý nhận lại màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 nên Công ty Đ đã sử dụng màn hình Led P6 ngoài trời treo phía trước Công ty Đ cho việc quảng cáo của Công ty Đ (nếu không sử dụng thì màn hình sẽ bị hỏng). Đối với bảng quang báo 3 màu P.10 thì bà O (là đại diện theo ủy quyền trước đây của Công ty Đ) trình bày là đã bán cho khách hàng khác để sử dụng là không đúng, thật ra bảng quang báo vẫn còn ở Công ty Đ, chỉ có một số vi mạch trong bảng quang báo được tháo để bán và lắp sang một số sản phẩm khác. Tại buổi thẩm định giá, Công ty Đ đã khắc phục lại toàn bộ màn hình quang báo và hiện nay màn hình quang báo vẫn sử dụng tốt.

Vì còn trong thời gian bảo hành nên màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 bị hư hỏng hay bị lỗi kỹ thuật thì Công ty Đ có trách nhiệm sửa chữa. Tuy nhiên, khi sửa chữa xong thì Công ty K không đồng ý nhận lại sản phẩm nên đây là lỗi của Công ty K.

Nay Công ty Đ đề nghị Công ty K tiếp tục thực hiện hợp đồng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Anh Q trình bày tại bản tự khai đề ngày 09/4/2019 và biên bản hòa giải ngày 11/7/2019:

Ông là Phó giám đốc của Công ty Đ. Vào năm 2016, Công ty Đ có nhận thi công và lắp đặt bảng hiệu Alu, chữ nổi, đèn led âm, nội thất tại địa chỉ 245 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty K. Trong quá trình thi công, ông có nhận chuyển khoản của Công ty K với tổng số tiền là 90.000.000đồng để thực hiện thi công hạng mục công trình. Thực tế, số tiền

90.000.000đồng trên là tiền tạm ứng để thi công hạng mục công trình chứ không phải là cá nhân ông vay tiền của Công ty K.

Ông xác nhận là số tiền 90.000.000đồng mà ông nhận từ Công ty K là tiền Công ty K chuyển cho Công ty Đ để thực hiện thi công hạng mục công trình.

Vào khoảng tháng 12 năm 2017, ông có lập biên bản ghi nhận về việc màn hình led và màn hình quang báo bị hư hỏng và Công ty Đ đã đem về sửa chữa. Tuy nhiên, sau khi sửa chữa xong thì Công ty K không đồng ý cho Công ty Đ gắn lại màn hình led, bảng quang báo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/KDTM - ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 52/2019/QĐ – SCBSBA ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Công ty Đ phải nhận lại màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 mà Công ty K và Công ty Đ đã ký kết theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016.

2/ Buộc Công ty Đ phải trả lại cho Công ty K số tiền là 128.515.020đồng phát sinh từ Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016.

3/ Công ty Đ có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty K trên số tiền mà Công ty K đã thanh toán là 637.747.880đồng theo Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016.

4/ Công ty Đ có trách nhiệm trả lại cho Công ty K số tiền chi phí tổ tụng là 12.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 22/11/2019, bị đơn là Công ty Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm chưa thật sự khách quan và công bằng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là Công ty Đ có ông Thạch Huỳnh NI là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Đ giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản án sơ thẩm và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác.

Trị giá Phụ lục hợp đồng số 01 có trị giá là 366.636.380đồng, trong đó màn hình Led P6 ngoài trời là 214.245.000đồng và bảng quang báo 3 màu P.10 là 43.008.000đồng, tổng cộng là 257.253.000đồng (nếu tính 10% VAT là 282.978.300đồng).

Việc Công ty K không nhận lại hình Led và bảng quang 03 màu P.10 sau khi Công ty Đ nhận lại để sửa chữa trong thời gian bảo hành là không phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Công ty K không được quyền chấm dứt hợp đồng nên Công ty Đ yêu cầu tiếp tục hợp đồng, cụ thể:

Công ty Đ lắp tiếp tục lắp đặt màn hình Led và bảng quang báo 3 màu P.10 cho Công ty K theo hợp đồng.

Công ty Đ xác định hai bên không thỏa thuận cụ thể về thông tin bảo hành sản phẩm đối với các sản phẩm nêu trên và không lập biên bản nghiệm thu sản phẩm như thỏa thuận tại hợp đồng.

Công ty Đ sẽ xuất hóa đơn VAT theo quy định pháp luật cho Công ty K đối với số tiền mà Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty Đ sau khi Công ty K nhận lại màn hình Led và bảng quang 03 màu, đồng thời thanh toán số tiền còn lại chưa thanh toán là 154.453.180đồng theo hợp đồng kinh tế và hai phụ lục hợp đồng nêu trên.

Do vậy, Công ty Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

Nguyên đơn là Công ty K có ông Tống Trần N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty K yêu cầu Công ty Đ hoàn trả số tiền 128.515.020đồng do tổng trị giá của Hợp đồng kinh tế và hai Phụ lục hợp đồng số 01, 02 nêu trên là 920.726.180đồng (gồm: Trị giá hợp đồng là 352.525.000đồng, trị giá phụ lục số 01 là 366.636.380đồng, trị giá phụ lục số 02 là 201.564.000đồng).

Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ tổng cộng là 766.262.900đồng. Nếu thực hiện đúng hợp đồng thì Công ty K thanh toán tiếp cho Công ty Đ số tiền nợ còn lại là 154.453.180đồng. Tuy nhiên, Công ty K không đồng ý nhận lại màn hình Led và bảng quang báo 3 màu (trị giá 282.978.300đồng) nên sau khi trừ số tiền đã thanh toán với trị giá 02 sản phẩm trả lại nêu trên, cụ thể:

$920.726.180\text{đồng (số tiền theo hợp đồng)} - 282.978.300\text{đồng (trị giá sản phẩm trả lại)} = 637.747.880\text{đồng (số tiền phải thanh toán);}$

$766.262.900\text{đồng (số tiền đã thanh toán)} - 637.747.880\text{đồng (số tiền phải thanh toán)} = 128.515.020\text{đồng (số dư chênh lệch còn lại).}$

Công ty K yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng:

Quá trình từ khi thụ lý đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và thực hiện nội dung ủy quyền theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy các bên không có thỏa thuận cụ thể thời hạn bảo hành là bao lâu nên không có thời hạn cụ thể để xác định Công ty K phải cho Công ty Đ sửa chữa đến khi nào. Tuy nhiên, nhận thấy từ tháng 03 đến tháng 12 năm 2017 là một khoảng thời gian khá dài nhưng Công ty Đ vẫn không khắc phục được lỗi của hàng hóa do mình cung cấp. Đến tháng 12 năm 2017, Công ty Đ còn mang 02 sản phẩm về để tiếp tục sửa chữa. Dù Công ty Đ trình bày một tháng sau đó đã khắc phục hoàn toàn nhưng không có biên bản nghiệm thu, không có gì để chứng minh. Trong khoảng thời gian này, hai bên đều không dùng cách khắc phục khác như đổi sản phẩm cùng loại mà pháp luật có quy định. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2019, đại diện của bị đơn xác nhận bảng quang đã được Công ty Đ để lại cho khách hàng khác sử dụng, còn màn hình thì Công ty Đ sử dụng. Như vậy, việc Công ty K yêu cầu Công ty Đ hoàn trả số tiền thanh toán chênh lệch còn lại là 128.515.020đồng là có cơ sở.

Căn cứ vào các lệnh chi và lời thừa nhận của Công ty Đ, nhận thấy Công ty K yêu cầu Công ty Đ xuất hóa đơn giá đối với khoản tiền 637.747.880đồng là phù hợp quy định tại Điều 5 Thông tư 119/2014/TT- BTC ngày 25/8/2014 và khoản 7 Điều 3 Thông tư số 27/2015/TT – BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

Đối chiếu quy định tại khoản 144 Điều 445 và Điều 446 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ bảo hành và quyền yêu cầu bảo hành, khoản 4 Điều 21 Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010, Điều 39 Luật Thương mại quy định về hàng hóa không phù hợp với hợp đồng và các quy định pháp luật về thuế với các phân tích nêu trên, nhận thấy yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ không có cơ sở để chấp nhận.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Công ty K và Công ty Đ có thỏa thuận, xác lập Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01, số 02 ngày 29/12/2016, về việc Công ty Đ nhận thi công lắp đặt bảng hiệu nội thất cho Công ty K.

Tổng trị giá của Hợp đồng kinh tế và hai Phụ lục hợp đồng số 01, 02 nêu trên là 920.726.180đồng (gồm: Trị giá hợp đồng là 352.525.000đồng, trị giá Phụ lục hợp đồng số 01 là 366.636.380đồng, trị giá Phụ lục hợp đồng số 02 là

201.564.000đồng). Thời hạn bảo hành theo hợp đồng kinh tế và Phụ lục hợp đồng số 01 là 18 tháng tính từ ngày nghiệm thu công trình. Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ tổng cộng là 766.262.900đồng.

Đến nay, hai bên đương sự xác định hai bên không ký vào Phụ lục Hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016 nhưng hai bên cùng thừa nhận đã thực hiện xong Phụ lục hợp đồng số 02 và không tranh chấp tất cả các khối lượng công việc mà Công ty Đ đã thực hiện theo hợp đồng kinh tế và Phụ lục hợp đồng số 02 nêu trên.

Phụ lục hợp đồng số 01 có tổng trị giá là 366.636.380đồng. Công ty Đ đã thực hiện tất cả công việc theo phụ lục này, trong đó có phần thi công lắp đặt cho Công ty K gồm màn hình led P6 ngoài trời trị giá 214.245.000đồng và bảng quang báo 3 màu P.10, trị giá 43.008.000đồng (tính 10% thuế VAT là 282.978.300đồng).

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Xét thấy, hai bên thừa nhận không lập biên bản nghiệm thu đối với việc lắp đặt màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 mà đã đưa sản phẩm vào sử dụng là không thực hiện đúng thỏa thuận của các bên theo hợp đồng nên không có cơ sở xác định thời điểm bắt đầu tính thời hạn bảo hành.

Theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng, hai bên không thỏa thuận về thời gian dùng thử sản phẩm và không thỏa thuận về thông tin bảo hành sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm điện tử như màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định: “Đối hàng hóa, linh kiện, phụ kiện mới tương tự hoặc thu hồi hàng hóa và trả lại tiền cho người tiêu dùng trong trường hợp đã thực hiện bảo hành hàng hóa, linh kiện, phụ kiện từ ba lần trở lên trong thời gian bảo hành mà vẫn không khắc phục được lỗi”. Như vậy, trong thời gian bảo hành, nếu sản phẩm bị hư hỏng thì Công ty Đ phải khắc phục được lỗi của sản phẩm.

Thực tế, hai bên xác nhận việc lắp đặt màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 được đưa vào sử dụng khoảng từ tháng 01 năm 2017 và bắt đầu bị lỗi, hư hỏng kéo dài từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017. Mặc dù Công ty Đ đã cho nhân viên đến sửa nhiều lần nhưng việc hư hỏng không được khắc phục. Đến tháng 11 năm 2017, Công ty Đ đã nhận lại sản phẩm để tiếp tục sửa chữa. Điều đó cho thấy Công ty Đ cung cấp cho Công ty K sản phẩm nêu trên là chưa bảo đảm về chất lượng sản phẩm.

Phân khác, trong quá trình nhận lại đặt màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10, Công ty Đ tự ý tháo gỡ một số linh kiện màn hình Led (dù đến nay đã được lắp ráp lại) và sau khi nhận sản phẩm để sửa chữa, Công ty Đ đã đưa vào sử dụng tại Công ty Đ mà không có khiếu nại hoặc tranh chấp gì về việc yêu cầu thực hiện hợp đồng.

Với phân tích nêu trên, việc Công ty Đ cho rằng cứ hư hỏng xảy ra còn trong thời gian bảo hành thì phải để cho Công ty Đ sửa chữa và yêu cầu tiếp tục hợp đồng là không có cơ sở để chấp nhận. Việc Công ty K không đồng ý nhận lại màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 là hoàn toàn có cơ sở, phù

hợp quy định khoản 1 Điều 444 Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định về bảo đảm chất lượng vật mua bán, Điều 445, Điều 446 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ bảo hành và quyền yêu cầu bảo hành, Điều 39 Luật Thương mại quy định về hàng hóa không phù hợp với hợp đồng.

Vì vậy, Công ty Đ phải căn trừ toàn bộ giá trị của màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 cho Công ty K theo giá mà hai bên đã thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016 là 282.978.300đồng.

Tổng giá trị của Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016 là 920.726.180đồng, sau khi trừ trị giá màn hình Led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 thì tổng số tiền phải thanh toán còn lại của Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 01, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016 là 637.747.880đồng ($920.726.180\text{đồng} - 282.978.300\text{đồng} = 637.747.880\text{đồng}$).

Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ 766.262.900đồng nên sau khi căn trừ số tiền mà Công ty K phải có nghĩa vụ thanh toán thì số tiền chênh lệch mà Công ty Đ đã nhận dư của Công ty K là 128.515.020đồng ($766.262.900\text{đồng} - 637.747.880\text{đồng} = 128.515.020\text{đồng}$).

Do vậy, Công ty Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền chênh lệch đã nhận vượt hơn số tiền mà Công ty K có nghĩa vụ thanh toán nêu trên là 128.515.020đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Đ phải trả lại cho Công ty K số tiền 128.515.020đồng và phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty K trên số tiền mà Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ là 637.747.880đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn là Công ty K đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng theo biên nhận ngày 17/5/2019 và chi phí thẩm định giá tài sản là 10.000.000đồng theo hóa đơn số 0000288 ngày 21/10/2019 của Công ty TNHH Thẩm định giá MHD. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là Công ty Đ phải trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã tạm ứng là 12.000.000đồng theo quy định tại các Điều 157, 158, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí:

Bị đơn là Công ty Đ chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 39, Điều 147, Điều 148 và Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 444, Điều 445, Điều 446 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 280, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Công ty TNHH Quảng Cáo Đ phải nhận lại màn hình led P6 ngoài trời và bảng quang báo 3 màu P.10 mà Công ty TNHH K và Công ty TNHH Quảng Cáo Đ đã ký kết theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016.

2/ Buộc Công ty TNHH Quảng Cáo Đ phải trả lại cho Công ty TNHH K số tiền là 128.515.020đồng (một trăm hai mươi tám triệu năm trăm mười lăm ngàn không trăm hai mươi đồng) phát sinh từ Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH K cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Quảng Cáo Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3/ Công ty TNHH Quảng Cáo Đ có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH K trên số tiền mà Công ty TNHH K đã thanh toán là 637.747.880đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm tám mươi đồng) theo Hợp đồng kinh tế ngày 05/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/12/2016, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 29/12/2016.

4/ Công ty TNHH Quảng Cáo Đ có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH K số tiền chi phí tổ tụng là 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng).

5/ Về án phí:

- Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Quảng Cáo Đ phải nộp án phí là: 6.425.750đồng (sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.212.876đồng (ba triệu hai trăm mười hai ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng) theo biên lai số 0010033 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Quảng Cáo Đ phải chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng), được trừ vào số tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai số 0011694 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong